

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp
Mã ngành:	8140111
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Tiếng Pháp

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp
Mã ngành:	8140111
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Tiếng Pháp

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo học viên có khả năng vận dụng hiệu quả lý luận về khoa học ngôn ngữ và didactic ngoại ngữ nói chung và tiếng Pháp nói riêng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu dụng; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng sáng tạo và hồi lăm; có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề để cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy bộ môn tiếng Pháp tại cơ sở giáo dục.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành *Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp*, định hướng ứng dụng đào tạo học viên:

- Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và chuẩn mực nghiên cứu khoa học;
- Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức về khoa học ngôn ngữ và didactic ngoại ngữ và các khoa học liên ngành như: Khoa học giáo dục, Tâm lý học, Xã hội học, Nhân chủng học... trong giảng dạy và nghiên cứu cơ bản;
- Có khả năng tổ chức và thực hiện hiệu quả công tác giảng dạy và nghiên cứu ứng dụng về lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp tại cơ sở giáo dục;

- Có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến hoạt động giảng dạy để nâng cao hiệu quả và phát triển chuyên môn nghiệp vụ trong môi trường nghề nghiệp thay đổi.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI 1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI 1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI 1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI 1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI 1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI 1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI 2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI 2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI 2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI 2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI 2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI 2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn
PI 3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>

PI 3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI 3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI 3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI 3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI 3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI 3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lý để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI 3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lý hoạt động chuyên môn
PI 3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lý hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ học, didactic ngoại ngữ và khoa học liên ngành để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn
PI 4.1	<i>Vận dụng hiệu quả kiến thức ngôn ngữ học tiếng Pháp (ngữ âm, ngữ nghĩa, cú pháp, từ vựng) để đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ</i>
PI 4.1.1	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ học tiếng Pháp để xác định các hiện tượng ngôn ngữ
PI 4.1.2	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ học tiếng Pháp để phân tích và đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ
PI 4.2	<i>Vận dụng hiệu quả kiến thức ngôn ngữ học, didactic ngoại ngữ và khoa học liên ngành để giải quyết các vấn đề trong giảng dạy bộ môn Tiếng Pháp</i>
PI 4.2.1	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ học, didactic ngoại ngữ và khoa học liên ngành để tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy bộ môn Tiếng Pháp
PI 4.2.2	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ học, didactic ngoại ngữ và khoa học liên

	ngành để nghiên cứu và cải tiến hoạt động giảng dạy bộ môn Tiếng Pháp
PLO 5	Thực hiện và phổ biến kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn
PI 5.1	Thực hiện đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn
PI 5.1.1	Xác định vấn đề nghiên cứu thực tiễn thuộc chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp
PI 5.1.2	Xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề thực tiễn thuộc chuyên ngành đào tạo
PI 5.1.3	Xác định được phương pháp nghiên cứu tối ưu trong bối cảnh nhất định để đạt được kết quả tin cậy
PI 5.1.4	Thực hiện nghiên cứu vấn đề mang tính ứng dụng thuộc chuyên ngành
PI 5.2	Phổ biến kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn
PI 5.2.1	Viết báo cáo kết quả nghiên cứu theo chuẩn mực và quy tắc đạo đức khoa học
PI 5.2.2	Viết công bố khoa học theo chuẩn mực và quy tắc đạo đức khoa học

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp*, định hướng ứng dụng có thể làm việc ở những vị trí: giảng dạy tiếng Pháp tại các cơ sở giáo dục; quản lý chuyên môn tại cơ sở giáo dục hoặc cơ quan quản lý trong lĩnh vực giáo dục.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Học lên tiến sĩ về Didactic tiếng Pháp, Khoa học ngôn ngữ hoặc Khoa học giáo dục trong nước và ở các nước Pháp ngữ.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 62 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định

trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

Trường Đại học Grenoble Alpes (Pháp)

Tên chương trình: Thạc sĩ “Didactique des langues”

Link chương trình tham khảo:

<https://formations.univ-grenoble-alpes.fr/fr/catalogue-2021/master-XB/master-didac>

tique-des-langues-IBC8AWN0/parcours-francais-langue-etrangere-et-seconde-prese
ntiel-IBC8D41M.html

Trường Đại học Rouen Normandie (Pháp)

Tên chương trình: Thạc sĩ “Français Langue Étrangère”

Link chương trình tham khảo:

<https://formation.univ-rouen.fr/fr/catalogue-de-l-offre-de-formation/master-lmd-XB/master-francais-langue-etrangere-L52I2SP2.html>

Trường Đại học Caen Normandie (Pháp)

Tên chương trình: Thạc sĩ “Sciences de l’Éducation et de la Formation”

Link chương trình tham khảo:

<https://uniform.unicaen.fr/catalogue/formation/master/7201-master-sc.-de-l-education-p.-ingenierie-du-numerique-dans-l-enseignement-superieur-et-la-formation-d-adul-tes?s=&r=>

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ ***Về năng lực ngoại ngữ***: Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ ***Về kinh nghiệm công tác chuyên môn***

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh

vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Tiếng Pháp thực hành

- Môn cơ sở: Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Pháp

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chương trình bổ sung kiến thức

2.4.1. Danh sách các chuyên ngành phù hợp

Nhóm ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (trừ ngành Sư phạm tiếng Pháp); Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (trừ ngôn ngữ Pháp); Kinh tế học; Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Địa lý học, Khu vực học, Báo chí và truyền thông, Thông tin – Thư viện, Văn thư - Lưu trữ –

Bảo tàng, Quản trị – Quản lý, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Du lịch, Khách sạn – Nhà hàng.

2.4.2. Khung chương trình bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	FRAN1812	Nghe – Nói C1 Khung NLNN 6 bậc dùng cho VN (được miễn nếu có DALF/TCF trình độ C1)	3	30	30
2	FRAN1813	Đọc – Viết C1 Khung NLNN 6 bậc dùng cho VN (được miễn nếu có DALF/TCF trình độ C1)	3	30	30
3	FRAN1855	Phương pháp dạy học môn tiếng Pháp	3	30	30
Tổng số tín chỉ			9	90	90

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ %	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số tín chỉ	Tỉ lệ %	Số tín chỉ	Tỉ lệ %
Kiến thức chung	5	8,06	5	8,06	0	0,00
Kiến thức chuyên ngành	39	62,90	24	38,71	15	24,19
Thực tập	9	14,52	9	14,52	0	0,00
Đề án tốt nghiệp	9	14,52	9	14,52	0	0,00
Tổng	62	100,00	47	75,81	15	24,19

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Hệ số kiểm tra	
						Quá trình	Tổng kết
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08PHAP1001	Triết học	4			0.4	0.6
2	08PHAP1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1			0.5	0.5
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		39				
	Học phần bắt buộc		24				
3	08PHAP2001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	0	0.4	0.6
4	08PHAP2002	Cú pháp	3	45	0	0.4	0.6
5	08PHAP2003	Từ vựng – Ngữ nghĩa	3	30	30	0.4	0.6
6	08PHAP2004	Ngữ âm	3	45	0	0.4	0.6

7	08PHAP2005	Didactic chuyên ngành ngoại ngữ	3	45	0	0.4	0.6
8	08PHAP2006	Phân tích hoạt động chuyên môn	3	45	0	0.4	0.6
9	08PHAP2007	Quản lý chương trình đào tạo	3	45	0	0.4	0.6
10	08PHAP2008	Tổng quan nghiên cứu về ngôn ngữ và didactic	3	30	30	0.4	0.6
Học phần tự chọn (05/10 học phần)			15				
11	08PHAP2009	Soạn thảo văn bản khoa học	3	45	0	0.4	0.6
12	08PHAP2010	Phương pháp tiếp cận các vấn đề văn hóa	3	45	0	0.4	0.6
13	08PHAP2011	Dịch thuật trong dạy học ngoại ngữ	3	45	0	0.4	0.6
14	08PHAP2012	Ngôn ngữ học xã hội	3	45	0	0.4	0.6
15	08PHAP2013	Didactic tiếng Pháp cho trẻ em	3	45	0	0.4	0.6
16	08PHAP2014	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy và nghiên cứu	3	30	30	50	50
17	08PHAP2015	Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Pháp	3	30	30	0.4	0.6
18	08PHAP2016	Didactic tiếng Pháp chuyên ngành	3	45	0	0.4	0.6
19	08PHAP2017	Phân tích ngôn bản	3	45	0	0.4	0.6
20	08PHAP2018	Tiếp thụ ngôn ngữ	3	45	0	0.4	0.6
III	THỰC TẬP		9				
21	08PHAP4000	Thực tập	9				

III	ĐỀ ÁN/DỰ ÁN/ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP	9				
22	08PHAP5000	Đề án tốt nghiệp	9			
Tổng số tín chỉ			62			

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng 16 tín chỉ bắt buộc)		
08FRAN1001	Triết học	4
08PHAP2002	Cú pháp	3
08PHAP2003	Từ vựng – Ngữ nghĩa	3
08PHAP2004	Ngữ âm	3
08PHAP2005	Didactic chuyên ngành ngoại ngữ	3
Học kì 2 (Tổng cộng 16 tín chỉ, bao gồm 10 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn)		
08PHAP1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1
08PHAP2001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
08PHAP2007	Quản lý chương trình đào tạo	3
08PHAP2008	Tổng quan nghiên cứu về ngôn ngữ và didactic	3
	Tự chọn 1	3
	Tự chọn 2	3
Học kì 3 (Tổng cộng 12 tín chỉ, bao gồm 3 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn)		
08PHAP2006	Phân tích hoạt động chuyên môn	3
	Tự chọn 3	3
	Tự chọn 4	3
	Tự chọn 5	3
Học kì 4 (Tổng cộng 18 tín chỉ bắt buộc)		
08PHAP4000	Thực tập	9

08PHAP5000	Đề án tốt nghiệp	9
------------	------------------	---

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08PHAP1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08PHAP1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology // Méthodologie de recherche)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08PHAP2001
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Học phần gồm có 3 nội dung, cung cấp cho người học những khái niệm nền

tăng về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ và khoa học giáo dục. Thông qua học phần, người học vận dụng được quy trình nghiên cứu khoa học trong thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học về một vấn đề liên quan đến giảng dạy ngoại ngữ và hình thành tâm thế của nhà nghiên cứu khoa học tích cực, chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

4. Cú pháp (Syntax // Syntaxe)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2002

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 2 nội dung lý thuyết, cung cấp cho người học những kiến thức về các cách tiếp cận các hiện tượng và cấu trúc ngôn ngữ, những kiến thức chuyên sâu về thì và thể, cách vận hành của các thì hình thái của thức chỉ định. Thông qua học phần, người học có khả năng giải thích cách dùng thì trong văn bản, thiết kế tiến trình giảng dạy và các hoạt động phát triển kỹ năng ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Pháp ngoại ngữ.

5. Từ vựng – Ngữ nghĩa (Lexicology – Semantics // Lexicologie – Sémantique)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2003

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 5 nội dung lý thuyết, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về từ vựng học và phương pháp giảng dạy từ vựng. Thông qua học phần, người học có khả năng thiết kế tiến trình giảng dạy và các hoạt động phát triển vốn từ trong giảng dạy tiếng Pháp ngoại ngữ.

6. Ngữ âm (Phonetics // Phonétique)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2004

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 4 nội dung, cung cấp cho người học cơ sở lý thuyết về hệ thống âm vị tiếng Pháp, các hiện tượng ngôn điệu trong các dạng câu khác nhau, các hiện tượng ngữ âm thường gặp trong giao tiếp. Thông qua học phần, người học tiếp cận các phương pháp, thủ thuật sửa lỗi phát âm, chọn lọc phương pháp ưu việt để xử lý các khó khăn về phát âm cho từng đối tượng giảng dạy, ứng dụng lý thuyết vào việc biên soạn các dạng bài tập luyện âm và phương pháp sửa lỗi phát âm, có khả năng đối chiếu tiếng Việt – tiếng Pháp trên bình diện ngữ âm và âm vị học.

7. Didactic chuyên ngành ngoại ngữ (Foreign language didactics // Didactique du français langue étrangère)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2005

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 6 nội dung lý thuyết, cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và chuyên sâu về didactic và các cách tiếp cận về giảng dạy tiếng Pháp. Học phần giúp người học đưa ra tiến trình giảng dạy kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, phân tích và đánh giá các công cụ và tiến trình đó – làm cơ sở cho việc nghiên cứu về chuyên ngành.

8. Phân tích hoạt động chuyên môn (Analysis of professional practice // Analyse de pratiques)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2006

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 2 nội dung, cung cấp cho người học những khái niệm nền tảng về phân tích hoạt động chuyên môn trong dạy học tiếng Pháp. Thông qua học phần, người học phân tích hoạt động chuyên môn của bản thân nhằm phát triển năng lực phản tư; đồng thời, phân tích hoạt động dạy học của giáo viên nhằm đề xuất những giải pháp cho vấn đề trong giảng dạy bộ môn Tiếng Pháp.

9. Quản lý chương trình đào tạo (Curriculum management // Gestion du curriculum de formation)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2007

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 3 nội dung, cung cấp cho người học các cơ sở lý luận về đào tạo, các phạm trù lý thuyết về phân tích và đánh giá một chương trình đào tạo. Thông qua học phần, người học ứng dụng các bước tiến hành trong xây dựng chương trình đào tạo để thiết kế, đánh giá và phát triển chương trình đào tạo nói chung và của bộ môn Tiếng Pháp nói riêng.

10. Tổng quan nghiên cứu về ngôn ngữ và didactic (Researche in linguistics and didactics // Recherches actuelles en linguistique et en didactique des langues)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2008

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 2 phần chính, cung cấp cho người học kiến thức về các định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học ngôn ngữ và phương pháp dạy học ngoại ngữ. Trên cơ sở này, người học có thể xác định hướng nghiên cứu cho bản thân.

11. Soạn thảo văn bản khoa học (Scientific writing // Écriture scientifique)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2009

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 2 nội dung, cung cấp cho người học các chuẩn quốc tế trong việc viết các trích dẫn trong bài viết khoa học và các yêu cầu trong việc viết danh mục sách và tài liệu tham khảo, luận văn, các bài nghiên cứu khoa học khác (tham luận, bài báo khoa học...). Thông qua học phần, người học có khả năng viết các loại văn bản khoa học khác nhau (luận văn, tham luận hội thảo, bài báo khoa học...) nhằm phổ biến kết quả nghiên cứu.

12. Phương pháp tiếp cận các vấn đề văn hóa (Intercultural approach //

Approches interculturelle)

- Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2010

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 6 nội dung lý thuyết, cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và chuyên sâu về văn hóa, các yếu tố hình thành nên bản sắc, các đặc điểm về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Thông qua học phần, người học có khả năng lý giải được các hành vi và vận dụng cách tiếp cận liên văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ.

13. Dịch thuật trong dạy học ngoại ngữ (Translation in foreign language teaching // Traduction dans l'enseignement des langues étrangères)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2011

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 2 nội dung, cung cấp cho người học kiến thức về lịch sử phát triển của các lý thuyết, các quan điểm, trường phái dịch thuật và vị trí của dịch thuật trong dạy và học ngoại ngữ. Thông qua học phần, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về lý luận và thực tiễn dịch thuật trong giảng dạy ngoại ngữ.

14. Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistic // Sociolinguistique)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2012

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 3 phần, cung cấp cho người học cơ sở lý thuyết về mối quan hệ biện chứng giữa ngôn ngữ và xã hội. Thông qua học phần, người học có thể nhận thức, lý giải, nhận xét, đánh giá các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu về vị trí và cách sử dụng ngôn ngữ trong xã hội; về giảng dạy ngôn ngữ trong bối cảnh xã hội đa ngôn ngữ và đa văn hóa. Trên cơ sở này, người học vận dụng lý thuyết vào giảng dạy tiếng Pháp cho các đối tượng người học cụ thể.

15. Didactic tiếng Pháp cho trẻ em (Didactics of french for children //

Didactique du français pour un jeune public)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2013

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 3 phần, cung cấp cho người học các khái niệm lý thuyết về dạy học ngoại ngữ cho trẻ em, các phương pháp-kỹ thuật dạy học và đánh giá trong dạy tiếng Pháp ngoại ngữ cho đối tượng là trẻ em. Thông qua học phần, người học vận dụng các công cụ lý thuyết và thực hành được cung cấp để thiết kế tiết dạy/bài kiểm tra-đánh giá hoặc xây dựng chương trình giảng dạy tiếng Pháp cho trẻ em.

16. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu (Applying information technology in teaching and research // Application des TICE dans l'enseignement et la recherche)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2014

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 2 phần, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò của công nghệ thông tin trong việc dạy học ngoại ngữ và nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở này, người học vận dụng vào việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

17. Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Pháp (Evaluation in teaching // Questions d'évaluation)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2015

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 3 phần, cung cấp cho người học kiến thức về vai trò, vị trí, chức năng của công tác đánh giá trong giáo dục nói chung và giảng dạy tiếng Pháp nói riêng. Học phần giúp người học hiểu biết sâu hơn các nguyên tắc trong kiểm tra đánh giá và soạn đề thi. Người học sẽ thực hành soạn các loại đề thi và phân tích, đánh giá một đề thi dựa trên các nguyên tắc đã học.

18. Didactic tiếng Pháp chuyên ngành (Didactics of french on specific objectives

// Didactique du francais sur objectifs specifiques)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2016

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 5 nội dung lý thuyết, cung cấp cho người học những khái niệm và đặc điểm của tiếng Pháp chuyên ngành, các bước tiến hành xây dựng một chương trình dạy và học. Học phần giúp người học có khả năng đánh giá và soạn thảo tài liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu sâu hơn về tiếng Pháp thuộc một chuyên ngành nhất định.

19. Phân tích ngôn bản (Discourse analysis // Analyse du discours)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2017

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 6 nội dung lý thuyết, cung cấp cho người học những khái niệm liên quan và các đặc điểm của ngôn bản, các yếu tố tạo nên tính liên kết và tính mạch lạc của văn bản và các dấu hiệu nhận biết tính chủ quan của một phát ngôn. Học phần giúp người học khả năng phân tích một phát ngôn.

20. Tiếp thụ ngôn ngữ (Language acquisition // Acquisition du langage)

–Số tin chỉ: 3

–Mã học phần: 08PHAP2018

–Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 4 phần, cung cấp cho người học các lý thuyết về tiếp thụ và phát triển ngôn ngữ (thuyết hành vi, thuyết bẩm sinh trong ngôn ngữ, thuyết kiến tạo về nhận thức, thuyết phát triển nhận thức). Thông qua học phần, người học tiếp cận các nghiên cứu về giai đoạn phát triển trí tuệ ngôn ngữ của trẻ nhỏ và thiếu niên, nhận thức rõ ý nghĩa và mối quan hệ của việc học và quá trình tiếp thụ ngôn ngữ trong dạy học ngoại ngữ. Trên cơ sở này, người học vận dụng để xây dựng và chọn

lựa chiến lược giảng dạy phù hợp.

21. Thực tập (Internship // Stage)

–Số tin chỉ: 9

–Mã học phần: 08PHAP4000

–Khối học phần: Thực tập

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Học phần gồm có 2 phần lý thuyết và thực hành. Học phần giúp người học thâm nhập thực tế hoạt động dạy học ở trường phổ thông và thực hiện các nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Người học có thể chọn một trong hai hình thức: đi thăm các cơ sở điển hình (doanh nghiệp, cơ quan, cơ sở giáo dục...), thu thập và phân tích dữ liệu để thực hiện báo cáo; thử nghiệm mô hình/giải pháp và báo cáo kết quả thực hiện.

22. Đề án tốt nghiệp (Graduation project // Projet de fin d'études)

–Số tin chỉ: 9

–Mã học phần: 08PHAP5000

–Khối học phần: Đề án, dự án, đồ án tốt nghiệp

–Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

–Đề án tốt nghiệp là một bài viết nêu lên về một nghiên cứu, một quan điểm hoặc một phát hiện nào đó về một chủ đề mà người học muốn trình bày. Trong đề án, người học cần nêu lên được vấn đề mình quan tâm, phân tích vấn đề và trình bày những kết quả mới mà người học phát hiện được – từ đó đưa ra ý kiến, quan điểm, đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn. Đề án phải phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Trần Lê Bảo Chân	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục	Dịch thuật Văn hóa Pháp	08FRAN2001 08FRAN2009

2	Hạ Thị Mai Hương	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục	Văn học Pháp Dịch thuật Didactic tiếng Pháp Văn học Pháp	08FRAN2010 08FRAN2011 08FRAN2001 08FRAN2006 08FRAN2016 08FRAN2017
3	Phan Nguyễn Thái Phong	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục	Ngữ pháp Phát triển kỹ năng Từ vựng	08FRAN2002 08FRAN2003 08FRAN2014 08FRAN2015
4	Phạm Duy Thiện	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục	Didactic tiếng Pháp Didactic nghề Dịch thuật Ngữ âm Phân tích tác nghiệp	08FRAN2001 08FRAN2004 08FRAN2005 08FRAN2006 08FRAN2011 08FRAN2016
5	Nguyễn Thúc Thành Tín	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học Didactic	Didactic tiếng Pháp Lý thuyết tiếng	08FRAN2002 08FRAN2003 08FRAN2004 08FRAN2005 08FRAN2016
6	Nguyễn Thị Tươi	Tiến sĩ	Khoa học ngôn ngữ	Đa ngôn ngữ Đào tạo giáo viên Didactic tiếng Pháp Tương tác lời nói	08FRAN2005 08FRAN2007 08FRAN2008 08FRAN2012 08FRAN2016 08FRAN2017
7	Lê Thị Phương Uyên	Tiến sĩ	Khoa học ngôn ngữ	Didactic tiếng Pháp Ngôn ngữ xã hội học	08FRAN2005 08FRAN2006 08FRAN2007 08FRAN2016

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Huỳnh Thanh Triều	Tiến sĩ	Khoa học ngôn ngữ	Didactic tiếng Pháp Ngôn ngữ học	08FRAN2002 08FRAN2003 08FRAN2012

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GĐ D, GD 18, GĐ 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lí thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm

- Phòng thí nghiệm Cơ – Nhiệt;

- Phòng thí nghiệm Điện – Quang;

- Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương nâng cao;

- Phòng thí nghiệm Thực hành Vật lý phổ thông;

- Phòng thí nghiệm Điện kĩ thuật;

- Phòng thí nghiệm Vô tuyến điện;

- Phòng thí nghiệm Vật lý hạt nhân;

- Phòng máy tính hiệu năng cao;
- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.
- Tất cả các phòng học lí thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.
- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Đảm bảo yêu cầu đối với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ

- Cán bộ quản lý phải hiểu rõ chương trình đào tạo, quản lý chặt chẽ về tiến độ đào tạo và đảm bảo chất lượng chuẩn đầu ra;
- Giảng viên cần quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành;
- Người học phải chủ động tìm hiểu chương trình học tập, tích cực khai thác tài nguyên trong thư viện của Trường và phòng tư liệu của Khoa để thực hiện hiệu quả các hoạt động tự học và tự nghiên cứu.

9.2. Đảm bảo yêu cầu đáp ứng chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học và định hướng nghiên cứu

- Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục.
- Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học; đồng thời đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.
- Nội dung dạy học cần liên hệ đến những vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn nghề nghiệp phù hợp với chuyên ngành; từ đó, góp phần định hướng nghiên cứu cho người học trong quá trình học tập.

	<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022</i> HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	--